

Số: 43 /2010/QĐ-UBND

Huế, ngày 28 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế vận hành, khai thác và quản lý
mạng tin học điện rộng tỉnh Thừa Thiên Huế

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: <u>1277</u>
	Ngày: <u>28/10</u>
	Chuyên:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 234/TTr-STTTT ngày 02 tháng 6 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế vận hành, khai thác và quản lý mạng tin học điện rộng tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/11/2010; thay thế Quyết định số 1439/2006/QĐ-UBND ngày 06/6/2006 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế về vận hành, khai thác và quản lý các thiết bị tin học trên mạng diện rộng của tỉnh; thay thế Quyết định số 1656/2005/QĐ-UBND ngày 19/5/2005 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định địa chỉ IP, tên miền của các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã Hương Thủy, thành phố Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ TT&TT;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL;
- VP: CVP, PCVP Mai Hùng Tuấn;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, CN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH
Phan Ngọc Thọ

QUY CHẾ

Vận hành, khai thác và quản lý mạng tin học diện rộng
tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45 /2010/QĐ-UBND ngày 28/10/2010
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mạng tin học diện rộng tỉnh Thừa Thiên Huế

Mạng tin học diện rộng (WAN) tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là mạng diện rộng) là mạng tin học được thiết lập bằng cách kết nối giữa Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử Thừa Thiên Huế (IDC) với các mạng nội bộ (mạng LAN) của các cơ quan, đơn vị thông qua mạng viễn thông; đồng thời kết nối với mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng và Nhà nước nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh; việc trao đổi thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ và công tác quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thị xã Hương Thủy, thành phố Huế và các cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi là đơn vị) tham gia kết nối vào mạng diện rộng nhằm mục đích đảm bảo tính đồng bộ, an ninh, an toàn, khai thác có hiệu quả và phục vụ tốt cho việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn Tỉnh.

Điều 3. Hạ tầng kỹ thuật, phần mềm dùng chung và các dịch vụ cơ bản sử dụng trên mạng diện rộng.

1. Hạ tầng kỹ thuật: là tập hợp thiết bị tính toán (máy chủ, máy trạm, máy tính cá nhân), thiết bị ngoại vi, thiết bị kết nối mạng, thiết bị phụ trợ (sau đây gọi tắt là thiết bị) gồm:

- Máy chủ các loại (Server)
- Máy tính cá nhân các loại (PC, xách tay)
- Máy in các loại (Printer)
- Máy quét (Scan)
- Thiết bị mạng
- Thiết bị lưu giữ điện (UPS)
- Thiết bị lưu trữ số liệu (USB Disk, Flash Ram)
- Thiết bị kết nối mạng diện rộng

- Thiết bị truyền tin (Router, Switch, Hub, Modem...)
 - Thiết bị bảo mật chuyên dụng (Firewall)
 - Các thiết bị truyền thông khác có liên quan.
2. Phần mềm dùng chung bao gồm:
- Quản lý văn bản và điều hành;
 - Đăng ký xếp lịch và phát hành Giấy mời qua mạng;
 - Quản lý hồ sơ một cửa;
 - Theo dõi tiếp dân và giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo;
 - Quản lý, theo dõi ý kiến chỉ đạo và văn bản ban hành;
 - Trang Thông tin điện tử Sở, Ban ngành, đoàn thể và UBND cấp huyện;
 - Các phần mềm dùng chung khác có liên quan.
3. Các dịch vụ cơ bản bao gồm:
- Dịch vụ chứng thực người dùng (LDAP)
 - Dịch vụ phân giải tên miền (DNS);
 - Dịch vụ tải và truyền tài liệu, tập tin có liên quan;
 - Dịch vụ quản lý trang chủ (Web Page, Web Hosting);
 - Dịch vụ truy cập từ xa;
 - Dịch vụ Giám sát thông lượng mạng;
 - Dịch vụ Thư điện tử (E-mail);
 - Một số dịch vụ khác có liên quan.

Điều 4. Vận hành mạng diện rộng

1. Mạng diện rộng do Sở Thông tin và Truyền thông thống nhất quản lý. Thông tin dữ liệu điện tử Thừa Thiên Huế đặt tại Sở Thông tin và Truyền thông là Trung tâm điều phối mọi hoạt động và là nơi lưu trữ các hệ cơ sở dữ liệu, các phần mềm dùng chung, các dịch vụ cơ bản và hệ thống thư điện tử được quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

2. Các thiết bị và phần mềm có liên quan được UBND tỉnh trang cấp cho các đơn vị để tham gia vào mạng diện rộng là tài sản của Nhà nước được giao cho các đơn vị sử dụng, được Sở Thông tin và Truyền thông thống nhất quản lý.

3. Giao thức kết nối mạng giữa các mạng tin học tham gia vào mạng diện rộng là giao thức TCP/IP .

4. Mạng diện rộng là mạng riêng, tuân theo chuẩn INTRANET, có địa chỉ IP, tên miền và các tham số mạng được cấp theo Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Quy chế này và quản lý thống nhất chung trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 5. Đối tượng tham gia mạng diện rộng

1. Các đơn vị quy định tại Điều 2 của Quy chế này;
2. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
3. Các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;

4. Căn cứ khả năng thực tế phát triển mạng diện rộng, UBND tỉnh sẽ bổ sung các đơn vị tham gia kết nối mạng cụ thể.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ MẠNG TIN HỌC DIỆN RỘNG

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Là cơ quan trực tiếp quản lý mạng diện rộng.
2. Xây dựng hồ sơ, quy chế về quản lý, bảo trì, khai thác các thiết bị, máy chủ, phần mềm đặt tại Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử Thừa Thiên Huế.
3. Đảm bảo việc cung cấp và trao đổi thông tin các phần mềm dùng chung, hệ thống thư điện tử, các dịch vụ cơ bản kịp thời, nhanh chóng, chính xác phục vụ cho việc quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh thông qua mạng diện rộng.
4. Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản quy định thống nhất về việc gửi, nhận văn bản trên mạng diện rộng; tổ chức hoặc phối hợp tổ chức tập huấn, hướng dẫn sử dụng phần mềm dùng chung đã được cài đặt cho các đơn vị.
5. Hướng dẫn thống nhất chuẩn CNTT và thống nhất việc triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; có trách nhiệm lập kế hoạch hàng năm cho công tác vận hành và phát triển các ứng dụng trên mạng diện rộng.
6. Hàng quý và đột xuất có kế hoạch phối hợp với các đơn vị tư vấn để họp giao ban với các đơn vị kết nối mạng về việc rà soát công tác vận hành mạng, phổ biến những thông tin mới về công tác vận hành; phối hợp triển khai các phần mềm ứng dụng trên mạng, tổ chức tập huấn cho cán bộ chuyên trách CNTT cho các cơ quan, đơn vị để cập nhật những kiến thức quản trị hệ thống trong việc sử dụng và khai thác có hiệu quả mạng diện rộng.
7. Có kế hoạch phối hợp với các đơn vị tư vấn tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo về an toàn, bảo mật mạng cho cán bộ chuyên trách CNTT tại các đơn vị.
8. Xây dựng tài liệu mô hình mạng LAN chuẩn và cung cấp các lớp địa chỉ IP, tên miền cho các đơn vị có tham gia kết nối mạng diện rộng.
9. Phối hợp với các đơn vị để bảo đảm kỹ thuật hệ thống mạng diện rộng vận hành thông suốt, phục vụ tốt cho việc truyền nhận thông tin giữa các đơn vị tham gia vào mạng diện rộng.
10. Hướng dẫn về công tác chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách CNTT, cán bộ quản trị mạng tại các đơn vị trong việc quản lý, vận hành, khai thác mạng diện rộng và mạng máy tính tại các đơn vị để khai thác có hiệu quả phục vụ tốt cho việc chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo.
11. Thường xuyên kiểm tra định kỳ hoạt động của mạng diện rộng và các thiết bị kết nối mạng diện rộng đã được lắp đặt tại đơn vị.
12. Nghiên cứu, đề xuất về công tác quản lý và tổ chức thực hiện các biện pháp phát triển mạng diện rộng, xác định chuẩn thông tin và CNTT đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn trên mạng.
13. Duy trì hoạt động thông suốt kết nối giữa các đơn vị tham gia mạng

diện rộng và giữa mạng diện rộng với mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

14. Lập Sổ nhật ký theo dõi quá trình vận hành hệ thống mạng diện rộng.

15. Hàng quý báo cáo UBND tỉnh về hoạt động của mạng diện rộng.

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị tham gia kết nối mạng diện rộng

1. Nhiệm vụ của các đơn vị :

a) Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tổ chức, phân công trách nhiệm cụ thể cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT; ban hành quy định, quy chế quản lý mạng nội bộ (LAN) tại đơn vị mình theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông;

b) Thủ trưởng các đơn vị là người chịu trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức thông tin và tính chính xác của thông tin khi cập nhật và truyền trên mạng diện rộng; chịu trách nhiệm về sự phân công cán bộ chuyên trách CNTT để quản trị tốt mạng máy tính tại đơn vị;

c) Cử cán bộ chuyên trách CNTT, cán bộ quản trị mạng tham gia đầy đủ các buổi tập huấn về quản lý, quản trị mạng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức hoặc cử đi đào tạo nghiệp vụ quản trị mạng theo các chương trình phù hợp.

2. Nhiệm vụ của cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT tại các đơn vị:

a) Tham gia đầy đủ các hội nghị, buổi tập huấn, chương trình đào tạo do Tỉnh tổ chức hoặc ủy quyền Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức;

b) Thiết lập địa chỉ IP và quyền truy cập của máy trạm tham gia vào hệ thống mạng LAN của đơn vị theo quy định;

c) Khi có sự cố về các thiết bị, phần mềm, dịch vụ kết nối mạng diện rộng, cán bộ chuyên trách CNTT có trách nhiệm thông báo về bộ phận quản trị mạng diện rộng của Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện hoặc được hướng dẫn thực hiện việc sửa chữa, bảo trì;

d) Không được truy cập vào các trang Web có nội dung thông tin không lành mạnh, mang tính phản động; không tải các nội dung không rõ nguồn gốc tránh tình trạng virus sẽ lây lan qua hệ thống mạng LAN và mạng diện rộng;

đ) Máy chủ tại đơn vị không được nối với các mạng tin học khác không phù hợp với các chuẩn thông tin của mạng diện rộng;

e) Không được cho phép bất kỳ các công ty, đơn vị hoặc người không có trách nhiệm và không có chức năng bảo hành hệ thống mạng trực tiếp xử lý và khắc phục các sự cố của các thiết bị có liên quan đến mạng diện rộng;

g) Cán bộ chuyên trách CNTT hoặc cán bộ quản trị mạng của đơn vị mới được làm việc trực tiếp trên máy chủ kết nối mạng diện rộng và không tự ý cài đặt các phần mềm ứng dụng của đơn vị mình lên hệ thống máy chủ khi chưa có sự đồng ý của Thủ trưởng đơn vị;

h) Lập Sổ nhật ký để theo dõi quá trình hoạt động của máy chủ, các thiết bị kết nối mạng tại đơn vị tham gia kết nối mạng diện rộng.

Chương III

KHAI THÁC THÔNG TIN TRÊN MẠNG ĐIỆN RỘNG

Điều 8. Thông tin truyền nhận trên mạng điện rộng

Các thông tin được truyền nhận trên mạng điện rộng của tỉnh bao gồm:

1. Công báo Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật của Tỉnh được cập nhật hàng ngày.
2. Hệ thống cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội tổng hợp theo định kỳ (tháng, quý, 6 tháng, năm) của UBND tỉnh và các đơn vị.
3. Các văn bản phục vụ công tác điều hành, giao dịch giữa UBND tỉnh với các đơn vị và giữa các đơn vị tham gia vào mạng điện rộng.
4. Thông tin chuyên đề về các lĩnh vực như: kinh tế, khoa học công nghệ, văn hoá xã hội, y tế, giáo dục, đào tạo và các lĩnh vực khác có liên quan; tình hình đầu tư của các dự án trong và ngoài nước, tiềm năng, triển vọng của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật các thông tin chuyên đề để đưa lên Cổng Thông tin Điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Hệ thống Thư điện tử của tỉnh được sử dụng theo tên miền mail.thuathienhue.gov.vn.

6. Hệ thống cơ sở dữ liệu GIS Hue.

7. Các nội dung thông tin khác do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Điều 9. Các thông tin mật

Các văn bản có nội dung mật được quản lý theo chế độ mật theo quy định.

Điều 10. Khai thác thông tin

1. Cán bộ, công chức, viên chức thuộc các đơn vị tham gia mạng điện rộng được cấp tài khoản người dùng để truy cập, phải chịu trách nhiệm bảo đảm bí mật của tài khoản được cấp và được phân quyền khai thác cơ sở dữ liệu, dịch vụ trên mạng theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Hàng ngày, cán bộ, công chức, viên chức thuộc các đơn vị tham gia mạng điện rộng có trách nhiệm truy cập vào mạng điện rộng để khai thác thông tin phục vụ công tác; thực hiện việc gửi, nhận, trao đổi và xử lý văn bản, giấy tờ hành chính thông qua mạng nhằm hạn chế từng bước việc dùng văn bản, giấy tờ hành chính trong truyền đạt thông tin, giải quyết công việc có liên quan.

3. Thông tin cập nhật vào mạng điện rộng phải soạn thảo theo bộ mã các ký tự chữ Việt theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001 (Unicode).

Điều 11. Tính pháp lý của các thông tin trên mạng điện rộng

1. Các thông tin, văn bản được lưu giữ trên mạng điện rộng sau khi được xác thực có giá trị tương đương văn bản gốc. Các đơn vị sau khi nhận được thông tin, văn bản qua mạng điện rộng có trách nhiệm tổ chức thi hành như nhận theo phương thức truyền thống.

2. Đồng thời với việc truyền các văn bản trên mạng điện rộng, các đơn vị vẫn phải giữ văn bản trên giấy theo phương thức truyền thống và lưu trữ theo quy định hiện hành về công tác lưu trữ.

3. Các thông tin khai thác từ mạng điện rộng nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền xác thực tính chính xác thì chỉ có giá trị tham khảo.

Chương IV

SỬ DỤNG THIẾT BỊ TIN HỌC THAM GIA MẠNG ĐIỆN RỘNG

Điều 12. Sử dụng máy chủ và thiết bị kết nối mạng điện rộng

1. Máy chủ và thiết bị kết nối mạng phải được lắp đặt trong phòng riêng biệt, thoáng mát và do cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT có trách nhiệm trực tiếp quản lý, theo dõi quá trình hoạt động.

2. Những người không có trách nhiệm không được tự ý vào phòng máy chủ, hoặc khởi động cũng như tắt máy, thay đổi tên miền các phần mềm dùng chung, dịch vụ cơ bản và địa chỉ IP của máy chủ nếu không có sự đồng ý của cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT.

3. Không tự ý thay đổi vị trí thiết bị kết nối mạng điện rộng và các thông số về mạng như: địa chỉ lớp mạng điện rộng, các thông số kết nối mạng LAN và Internet để tránh sự xung đột địa chỉ.

4. Sử dụng thiết bị lưu trữ điện UPS thông minh để cấp điện cho máy chủ và thiết bị kết nối mạng điện rộng.

5. Các thiết bị ngoại vi không được kết nối trực tiếp với máy chủ tham gia hệ thống mạng điện rộng.

6. Bảo quản tốt các thiết bị do Tình trạng bị để đảm bảo việc kết nối thông suốt đến Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử Thừa Thiên Huế. Các thiết bị kết nối mạng điện rộng hoạt động liên tục 24/24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần.

Điều 13. Sử dụng máy tính trạm có kết nối mạng LAN của đơn vị và chương trình cập nhật virus cho máy tính trạm

Máy tính trạm là các máy được trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức phục vụ công việc hàng ngày có tham gia vào hệ thống mạng LAN và mạng điện rộng. Cán bộ, công chức, viên chức sử dụng máy trạm tham gia vào hệ thống mạng LAN phải tuân thủ các yêu cầu sau:

1. Thiết lập địa chỉ IP theo quy định của UBND tỉnh do cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT tại đơn vị thiết lập; không tự ý thay đổi địa chỉ IP khi chưa có ý kiến của cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT tại đơn vị đó.

2. Cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT tại đơn vị có trách nhiệm thường xuyên cập nhật virus mới và cập nhật những phiên bản virus mới.

3. Cài đặt chương trình diệt virus theo cơ chế tự động cập nhật virus từ máy chủ, nếu phát hiện thấy virus lạ không diệt được thì phải kịp thời thông báo cho cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT biết để khắc phục, tránh tình trạng để virus lây lan trên toàn bộ hệ thống mạng LAN và mạng điện rộng.

Chương V QUY ĐỊNH BẢO MẬT

Điều 14. Bảo mật hệ thống mạng điện rộng

1. Các thiết bị kết nối mạng điện rộng, địa chỉ IP của mạng điện rộng do Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm quản lý và giữ mật khẩu.
2. Địa chỉ IP của máy trạm, máy chủ, thiết bị kết nối mạng nội bộ của đơn vị do các đơn vị có nhiệm vụ quản lý và bảo vệ.
3. Các thông tin, dữ liệu dùng chung lưu trữ trên mạng điện rộng phải được định kỳ sao chép lên các thiết bị lưu trữ và thực hiện lưu trữ theo quy định hiện hành.
4. Các đơn vị, cá nhân tham gia mạng điện rộng không được tiết lộ phương thức (tên đăng ký, mật khẩu, tiện ích, tệp hỗ trợ và các cách thức khác) để truy nhập vào mạng điện rộng cho tổ chức, cá nhân khác; không được tìm cách truy nhập dưới bất cứ hình thức nào vào các khu vực không được phép truy cập; không được sửa đổi các thông tin trên mạng điện rộng nếu chưa được trao quyền.
5. Các thông tin mật chưa được phép không được truyền trên mạng. Trong trường hợp đặc biệt cần truyền thông tin mật trên mạng điện rộng phải được Thủ trưởng đơn vị cho phép, trước khi truyền thông tin phải được mã hoá bằng phần mềm bảo mật thông tin do UBND Tỉnh cho phép sử dụng theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về việc cho phép truyền thông tin mật trên mạng.

Điều 15. Bảo mật tại các máy chủ tham gia kết nối vào mạng điện rộng

1. Người được giao nhiệm vụ quản lý quyền và mật khẩu của máy chủ có trách nhiệm tạo mã người sử dụng và mật khẩu, cấp quyền sử dụng các tài nguyên trên máy. Mỗi người sử dụng phải có trách nhiệm giữ bí mật mã người sử dụng và mật khẩu đã được cấp. Trong trường hợp người sử dụng tạm thời vắng mặt không được giao lại mã người sử dụng và mật khẩu cho người khác sử dụng khi chưa được sự đồng ý của người sử dụng máy đó. Trường hợp người sử dụng không còn làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải bàn giao toàn bộ quyền quản lý, bao gồm mật khẩu sử dụng trên máy và tất cả các tài liệu, thiết bị, thông tin trên máy, các bản sao lưu đi kèm cho người thay thế. Người thay thế phải thay mã sử dụng và mật khẩu mới khác với mã và mật khẩu được tiếp nhận.
2. Mật khẩu thiết lập cho các tài khoản quản trị máy chủ có độ dài tối thiểu 9 ký tự.
3. Các đơn vị phải xây dựng hệ thống bảo đảm an toàn chống truy cập trái phép từ bên ngoài cũng như từ bên trong cơ quan vào mạng nội bộ của đơn vị và mạng điện rộng.
4. Khi có vấn đề trục trặc trên đường truyền, cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT có trách nhiệm thông báo về Sở Thông tin và Truyền thông để cùng phối hợp kiểm tra và sửa chữa.

Điều 16. Bảo mật tại các máy trạm tham gia kết nối vào mạng diện rộng

1. Máy tính của lãnh đạo đơn vị và máy tính của các cán bộ, công chức, viên chức phải được thiết lập mật khẩu để khởi động máy. Trường hợp người sử dụng không thể tự cài đặt được mức bảo mật này phải liên hệ với cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách CNTT để được hỗ trợ cài đặt.

2. Người sử dụng tự quản lý và bảo mật các thông tin được lưu trên máy tính thông qua việc đặt các quyền truy cập vào từng danh mục dữ liệu trên máy đó khi nối mạng. Không được tự ý xóa các thông tin từ các máy khác trên mạng.

**Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 17. Trách nhiệm thực hiện

Cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị khi tham gia vào hệ thống mạng diện rộng có trách nhiệm chấp hành nghiêm túc Quy chế này. Lãnh đạo các đơn vị tham gia vào hệ thống có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy chế này và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về những vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị trong quá trình tham gia điều hành, khai thác hệ thống mạng. Tùy theo mức độ vi phạm, cán bộ vi phạm chịu kỷ luật, xử lý hành chính hoặc trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Bổ sung, điều chỉnh Quy chế

Trong quá trình quản lý và khai thác thông tin trên mạng diện rộng, nếu có vấn đề nảy sinh mà chưa được quy định rõ trong Quy chế này thì Thủ trưởng các đơn vị đề xuất (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH**



**PHÓ CHỦ TỊCH
Phan Ngọc Thọ**

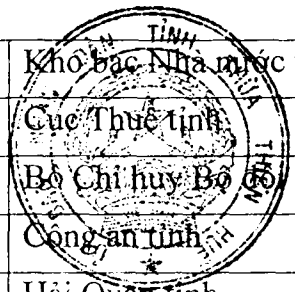


PHỤ LỤC I

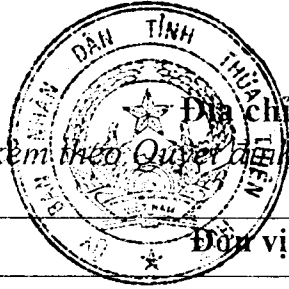
Tên miền của các cơ quan nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.
(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /2010/QĐ-UBND ngày 28/10/2010 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Đơn vị	Tên miền trên WAN	Tên miền trên Internet
1	Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử Thừa Thiên Huế		
2	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	thuathienhue.egov.vn	thuathienhue.gov.vn
3	Văn phòng UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	vpub.thuathienhue.egov.vn	vpub.thuathienhue.gov.vn
4	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	hdnd.thuathienhue.egov.vn	hdnd.thuathienhue.gov.vn
5	UBND thành phố Huế	huecity.thuathienhue.egov.vn	huecity.thuathienhue.gov.vn
6	UBND huyện Phong Điền	phongdien.thuathienhue.egov.vn	phongdien.thuathienhue.gov.vn
7	UBND huyện Quảng Điền	quangdien.thuathienhue.egov.vn	quangdien.thuathienhue.gov.vn
8	UBND huyện Hương Trà	huongtra.thuathienhue.egov.vn	huongtra.thuathienhue.gov.vn
9	UBND huyện Phú Vang	phuvang.thuathienhue.egov.vn	phuvang.thuathienhue.gov.vn
10	UBND Thị xã Hương Thủy	huongthuy.thuathienhue.egov.vn	huongthuy.thuathienhue.gov.vn
11	UBND huyện Phú Lộc	phuloc.thuathienhue.egov.vn	phuloc.thuathienhue.gov.vn
12	UBND huyện A Lưới	aluoi.thuathienhue.egov.vn	aluoi.thuathienhue.gov.vn
13	UBND huyện Nam Đông	namdong.thuathienhue.egov.vn	namdong.thuathienhue.gov.vn
14	Sở Kế hoạch và Đầu tư	skhdt.thuathienhue.egov.vn	skhdt.thuathienhue.gov.vn
15	Sở Tài chính	stc.thuathienhue.egov.vn	stc.thuathienhue.gov.vn
16	Sở Khoa học và Công nghệ	skhcn.thuathienhue.egov.vn	skhcn.thuathienhue.gov.vn
17	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	sldtbxh.thuathienhue.egov.vn	sldtbxh.thuathienhue.gov.vn

18	Sở Xây dựng	sxd.thuathienhue.egov.vn	sxd.thuathienhue.gov.vn
19	Sở Giao thông Vận tải	sgtvt.thuathienhue.egov.vn	sgtvt.thuathienhue.gov.vn
20	Sở Công thương	sct.thuathienhue.egov.vn	sct.thuathienhue.gov.vn
21	Sở Nông nghiệp và PTNT	snnptnt.thuathienhue.egov.vn	snnptnt.thuathienhue.gov.vn
22	Sở Tài nguyên và Môi trường	stnmt.thuathienhue.egov.vn	stnmt.thuathienhue.gov.vn
23	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	svhttdl.thuathienhue.egov.vn	svhttdl.thuathienhue.gov.vn
24	Sở Nội vụ	snv.thuathienhue.egov.vn	snv.thuathienhue.gov.vn
25	Sở Ngoại vụ	sngv.thuathienhue.egov.vn	sngv.thuathienhue.gov.vn
26	Sở Giáo dục và Đào tạo	sgddt.thuathienhue.egov.vn	sgddt.thuathienhue.gov.vn
27	Sở Y tế	syt.thuathienhue.egov.vn	syt.thuathienhue.gov.vn
28	Sở Thông tin và Truyền thông	stttt.thuathienhue.egov.vn	stttt.thuathienhue.gov.vn
29	Thanh tra Tỉnh	thanhtra.thuathienhue.egov.vn	thanhtra.thuathienhue.gov.vn
30	Trung tâm Công nghệ Thông tin	ttcntt.thuathienhue.egov.vn	ttcntt.thuathienhue.gov.vn
31	Ban Dân tộc	bdt.thuathienhue.egov.vn	bdt.thuathienhue.gov.vn
32	BQL KKT Chân Mây – Lăng Cô	bqlkktcmlc.thuathienhue.egov.vn	bqlkktcmlc.thuathienhue.gov.vn
33	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	bqlckcn.thuathienhue.egov.vn	bqlckcn.thuathienhue.gov.vn
34	Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế	ttbtdcdh.thuathienhue.egov.vn	ttbtdcdh.thuathienhue.gov.vn
35	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	dptth.thuathienhue.egov.vn	dptth.thuathienhue.gov.vn
36	Ban Quản lý phát triển khu đô thị mới	bqlptkdtm.thuathienhue.egov.vn	bqlptkdtm.thuathienhue.gov.vn
37	Trung tâm Festival Huế	festival.thuathienhue.egov.vn	festival.thuathienhue.gov.vn
38	Nhà Xuất bản Thuận Hóa	nxbth.thuathienhue.egov.vn	nxbth.thuathienhue.gov.vn
39	Cục Thống kê	ctk.thuathienhue.egov.vn	ctk.thuathienhue.gov.vn



40	Kho Bạc Nhà nước tỉnh	kbnn.thuathienhue.egov.vn	kbnn.thuathienhue.gov.vn
41	Cục Thuế tỉnh	ct.thuathienhue.egov.vn	ct.thuathienhue.gov.vn
42	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	bchbdbp.thuathienhue.egov.vn	bchbdbp.thuathienhue.gov.vn
43	Công an tỉnh	ca.thuathienhue.egov.vn	ca.thuathienhue.gov.vn
44	Hải Quân tỉnh	hq.thuathienhue.egov.vn	hq.thuathienhue.gov.vn
45	Ban chỉ huy Phòng chống Lũ lụt bão và TKCN tỉnh	bchpclb.thuathienhue.egov.vn	bchpclb.thuathienhue.gov.vn
46	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	bchqs.thuathienhue.egov.vn	bchqs.thuathienhue.gov.vn
47	Ban Đầu tư và Xây dựng tỉnh	bdtxd.thuathienhue.egov.vn	bdtxd.thuathienhue.gov.vn
48	Viện Quy hoạch xây dựng tỉnh	vqhxd.thuathienhue.egov.vn	vqhxd.thuathienhue.gov.vn

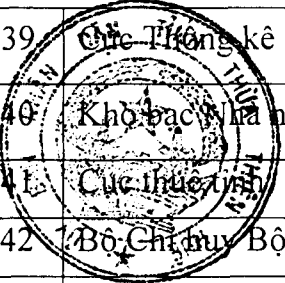


PHỤ LỤC II

Địa chỉ IP của các cơ quan nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế.
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 43 /2010/QĐ-UBND ngày 28/10/2010 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Đơn vị	Khoảng IP	Subnet Mask
1	Trung tâm Thông tin dữ liệu điện tử Thừa Thiên Huế	10.238.12.0 - 10.238.19.0	255.255.255.0
2	Văn phòng UBND tỉnh	10.238.1.0 - 10.238.6.0 10.238.254.0	255.255.255.0
3	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	10.238.10.0 - 10.238.11.0	255.255.255.0
4	UBND thành phố Huế	10.238.160.0 - 10.238.163.0	255.255.255.0
5	UBND Thị xã Hương Thủy	10.238.128.0 - 10.238.131.0	255.255.255.0
6	UBND huyện Phong Điền	10.238.132.0 - 10.238.135.0	255.255.255.0
7	UBND huyện Quảng Điền	10.238.136.0 - 10.238.139.0	255.255.255.0
8	UBND huyện Hương Trà	10.238.140.0 - 10.238.143.0	255.255.255.0
9	UBND huyện Phú Vang	10.238.144.0 - 10.238.147.0	255.255.255.0
10	UBND huyện Phú Lộc	10.238.148.0 - 10.238.151.0	255.255.255.0
11	UBND huyện A Lưới	10.238.152.0 - 10.238.155.0	255.255.255.0
12	UBND huyện Nam Đông	10.238.156.0 - 10.238.159.0	255.255.255.0
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10.238.20.0	255.255.255.0
14	Sở Tài chính	10.238.22.0	255.255.255.0
15	Sở Khoa học và Công nghệ	10.238.24.0	255.255.255.0
16	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	10.238.26.0	255.255.255.0

17	Sở Tư pháp	10.238.28.0	255.255.255.0
18	Sở Xây dựng	10.238.30.0	255.255.255.0
19	Sở Giao thông vận tải	10.238.32.0	255.255.255.0
20	Sở Công thương	10.238.34.0	255.255.255.0
21	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	10.238.36.0	255.255.255.0
22	Sở Tài nguyên và Môi trường	10.238.38.0	255.255.255.0
23	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	10.238.46.0	255.255.255.0
24	Sở Nội vụ	10.238.48.0	255.255.255.0
25	Sở Ngoại vụ	10.238.50.0	255.255.255.0
26	Sở Giáo dục và Đào tạo	10.238.52.0	255.255.255.0
27	Sở Y tế	10.238.54.0	255.255.255.0
28	Thanh tra Tỉnh	10.238.58.0	255.255.255.0
29	Ban quản lý các Khu công nghiệp	10.238.66.0	255.255.255.0
30	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	10.238.72.0	255.255.255.0
31	Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế	10.238.76.0	255.255.255.0
32	Sở Thông tin và Truyền thông	10.238.78.0	255.255.255.0
33	Ban Dân tộc	10.238.80.0	255.255.255.0
34	Ban Quản lý KKT Chân Mây – Lăng Cô	10.238.84.0	255.255.255.0
35	Ban Quản lý phát triển khu đô thị mới	10.238.86.0	255.255.255.0
36	Trung tâm Festival Huế	10.238.88.0	255.255.255.0
37	Nhà Xuất bản Thuận Hóa	10.238.90.0	255.255.255.0
38	Trung tâm Công nghệ thông tin	10.238.200.0	255.255.255.0



39	Chi Tổng kê	10.238.21.0	255.255.255.0
40	Khởi lập nước tỉnh	10.238.23.0	255.255.255.0
41	Cục thuế tỉnh	10.238.25.0	255.255.255.0
42	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	10.238.27.0	255.255.255.0
43	Công an tỉnh	10.238.29.0	255.255.255.0
44	Hải Quan tỉnh	10.238.96.0	255.255.255.0
45	Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão và TKCN tỉnh	10.238.98.0	255.255.255.0
46	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	10.238.100.0	255.255.255.0
47	Ban Tôn giáo	10.238.102.0	255.255.255.0
48	Ban Đầu tư và Xây dựng tỉnh	10.238.104.0	255.255.255.0
49	Viện Quy hoạch xây dựng Tỉnh	10.238.106.0	255.255.255.0